



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Xe khách Sài Gòn

Ngày 31/12/2025	18,600 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-	8.1%	16.3%

DT thuần Q4/25
98.6
tỷ VNĐ
QoQ: ▼11.4 -10.3%
YoY: ▼61.4 -38.3%

LN thuần Q4/25
-10.9
tỷ VNĐ
QoQ: ▼12.8 -670%
YoY: ▼24.6 -179%

LN sau thuế Q4/25
-8.99
tỷ VNĐ
QoQ: ▼11.4 -481%
YoY: ▼22.9 -165%

Tỷ suất lãi EBIT 2025
0.8%
YoY: +/- ▼ 6.4%

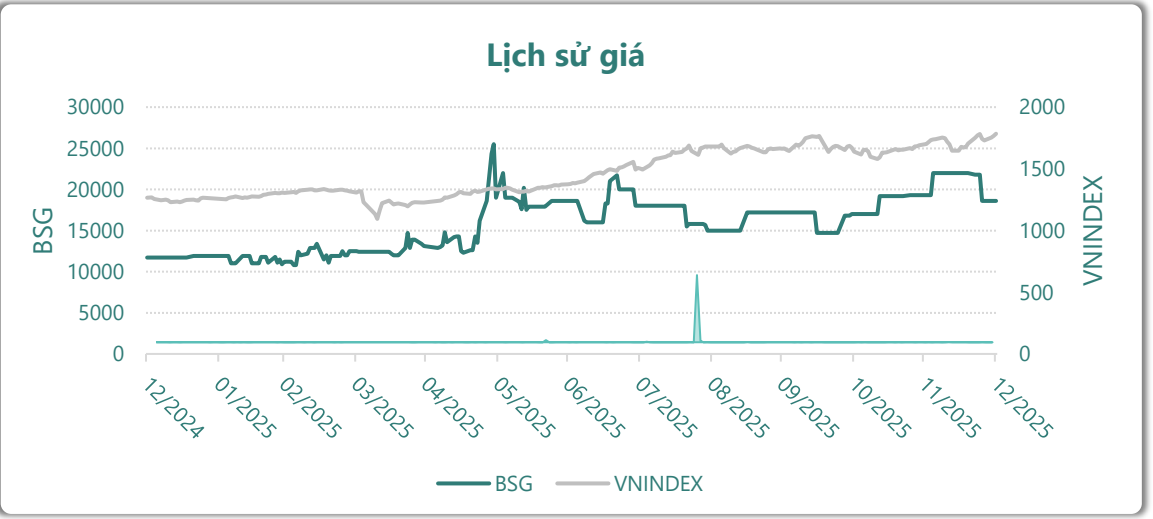
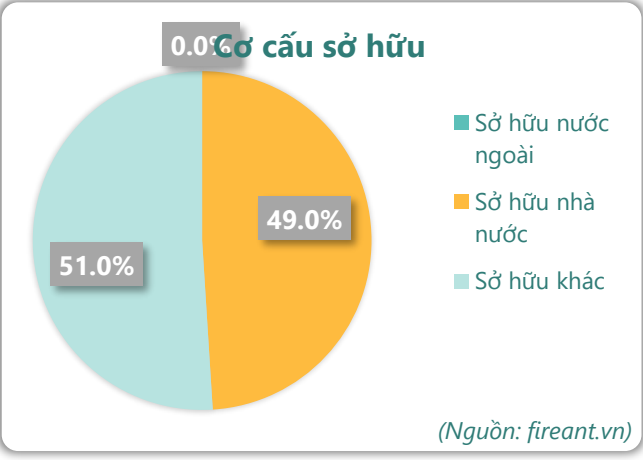
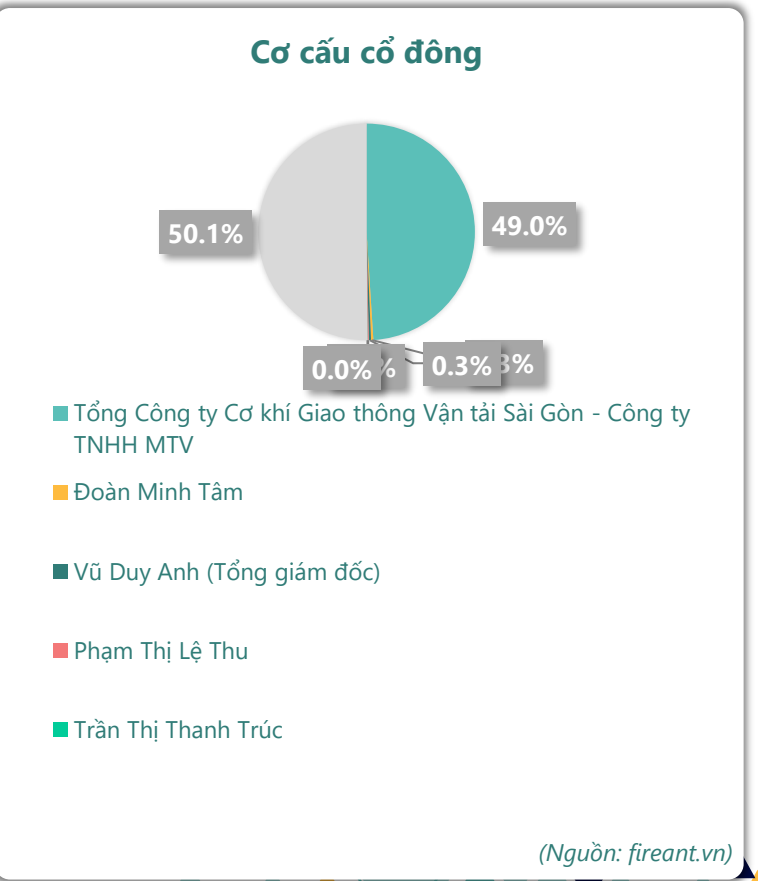
ROE 2025
0.9%
YoY: +/- ▼ 11.8%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	10,800 - 25,500
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,116
Số lượng CPLH (CP)	60,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	60
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.75
EPS	55
P/E	336.4

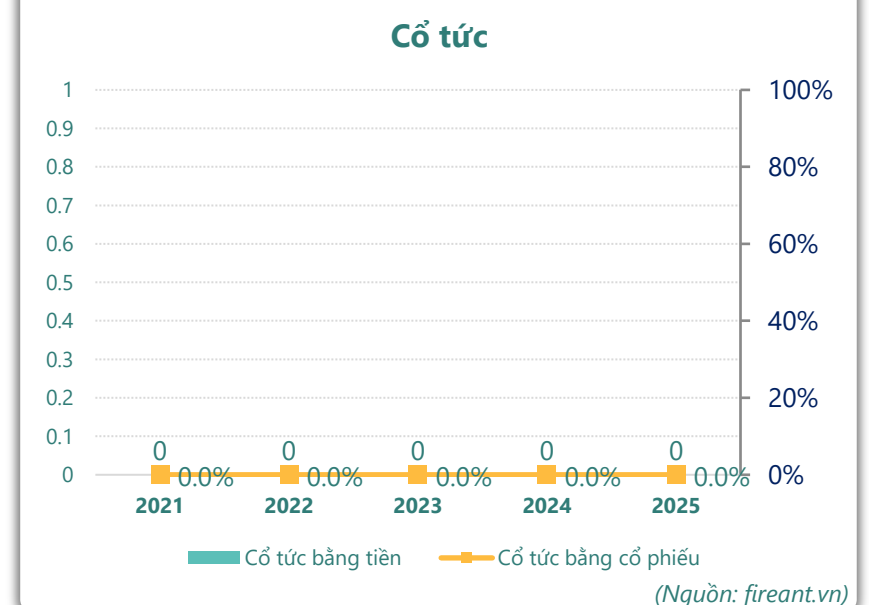
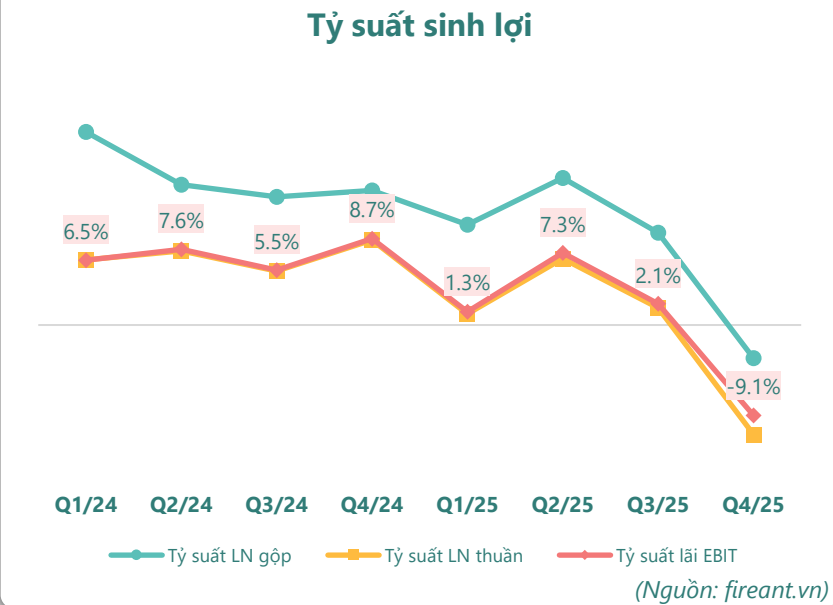
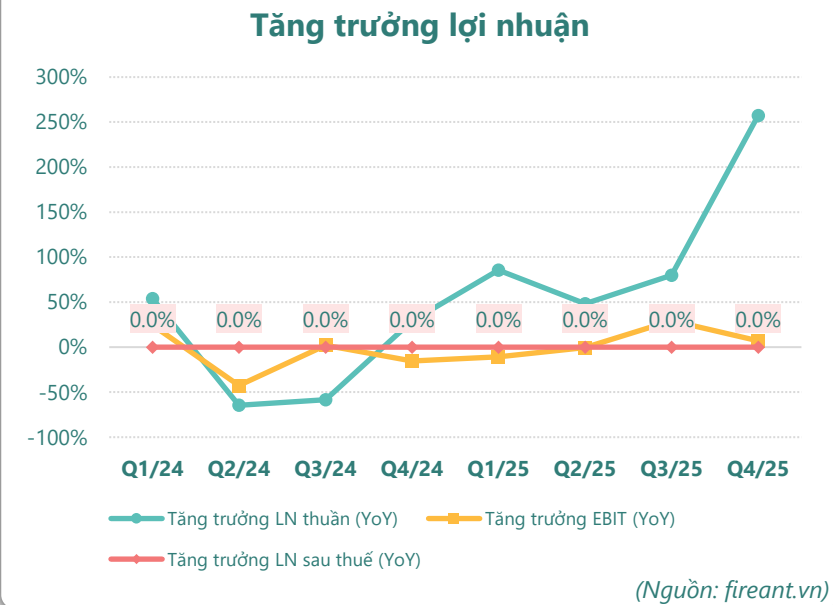
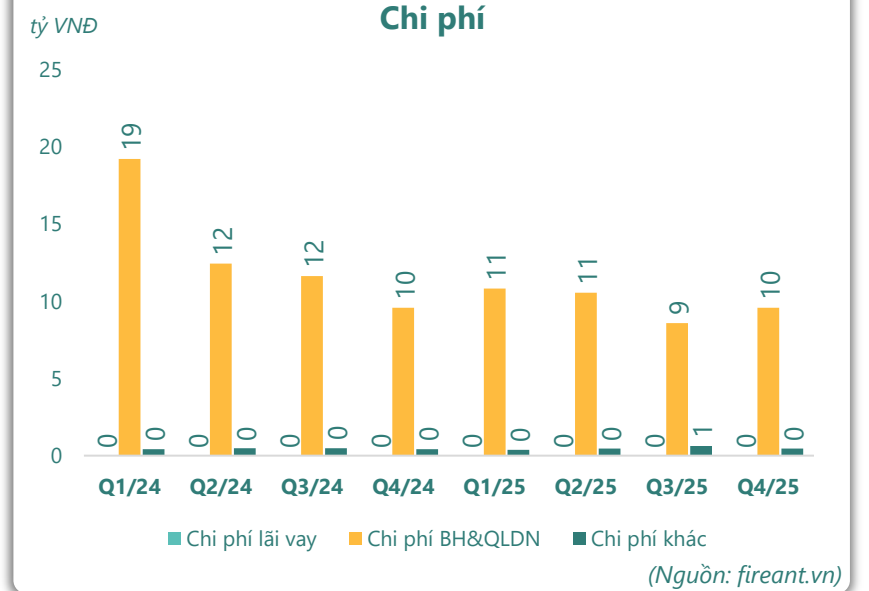
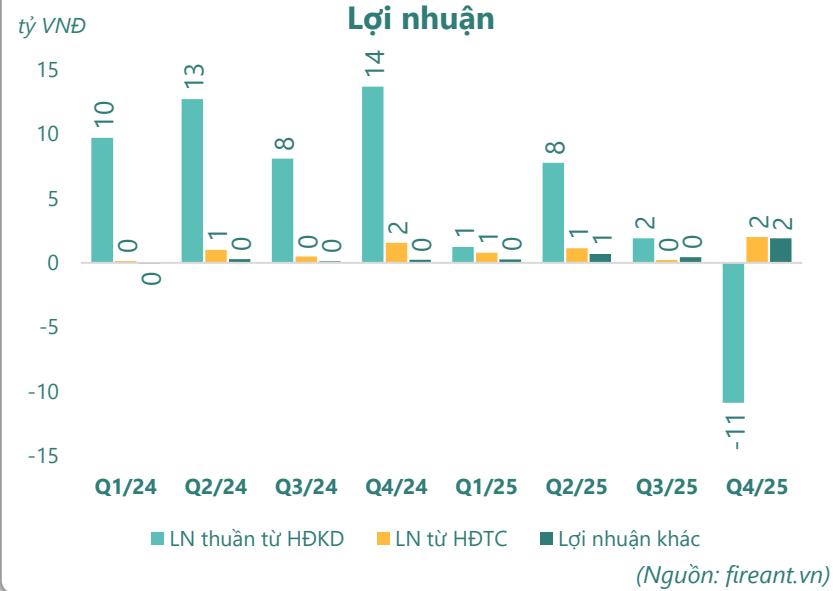
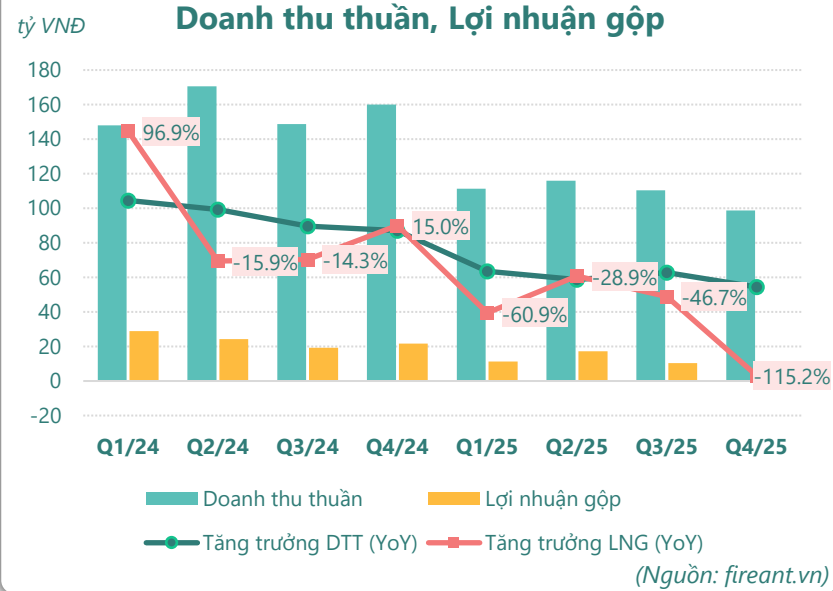
DT thuần 2025
436
tỷ VNĐ
YoY: ▼192 -30.5%

LN thuần 2025
0.02
tỷ VNĐ
YoY: ▼44.3 -100.0%

LN sau thuế 2025
3.32
tỷ VNĐ
YoY: ▼41.6 -92.6%



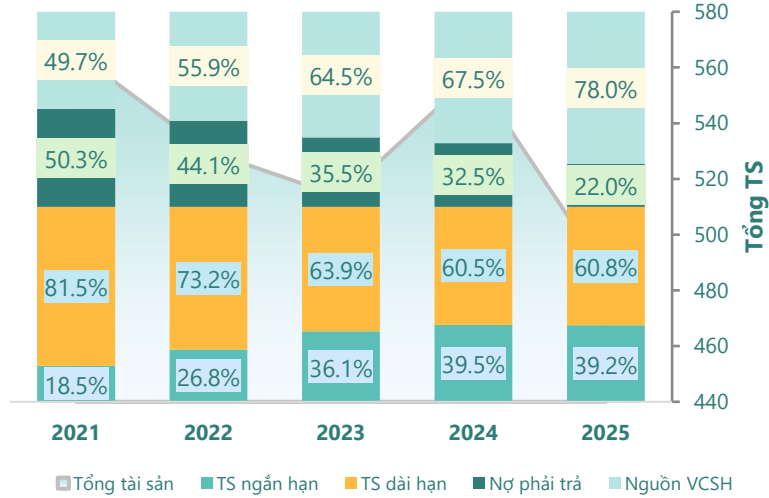
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

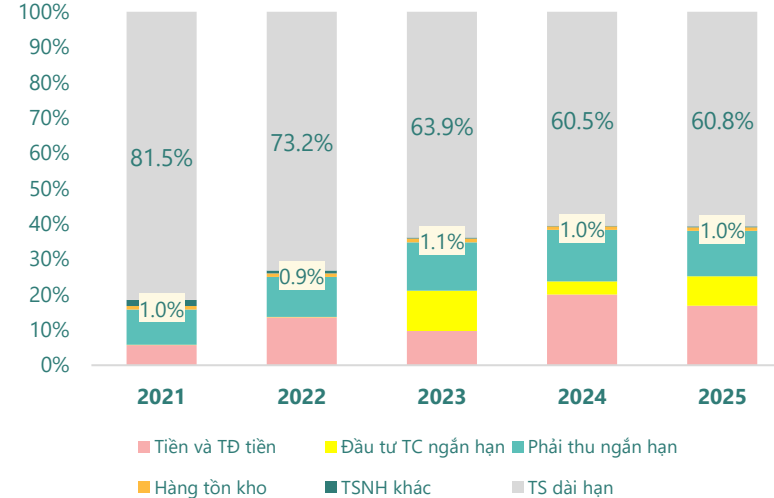
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

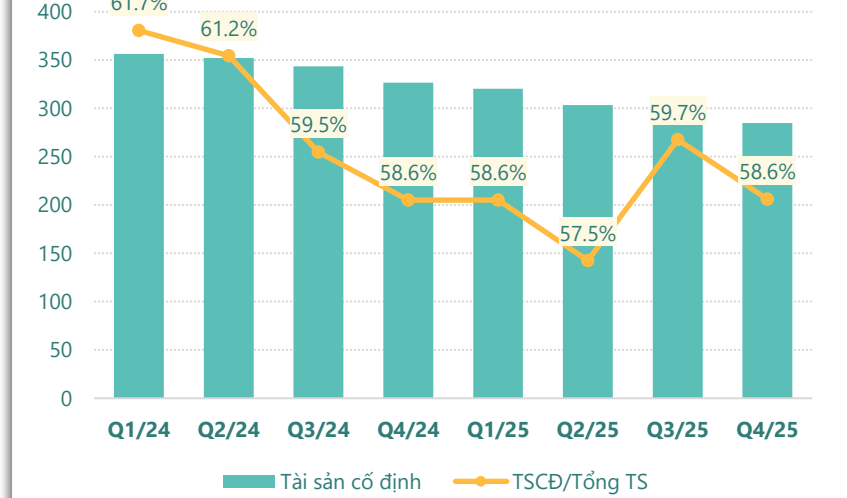
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

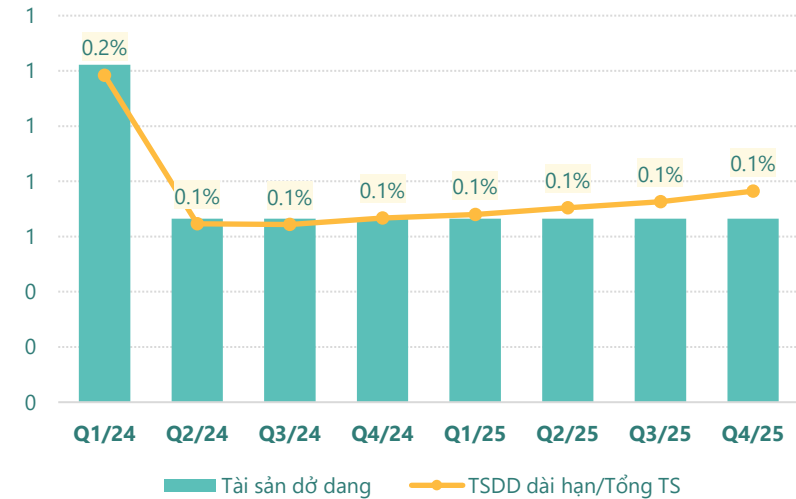
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

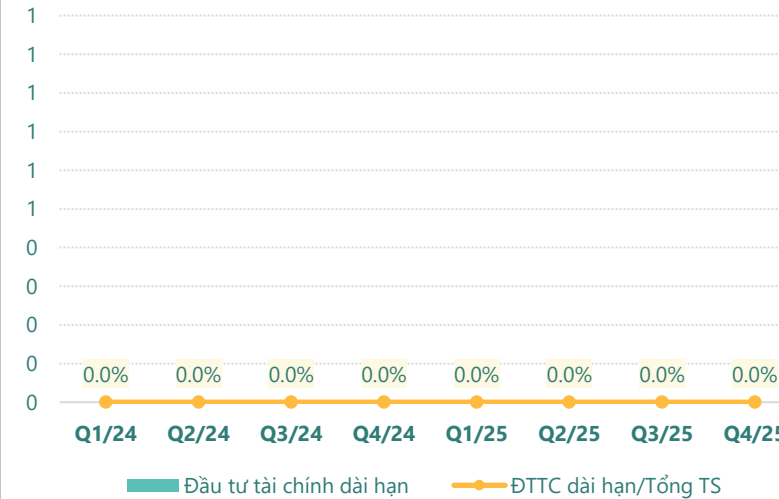
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

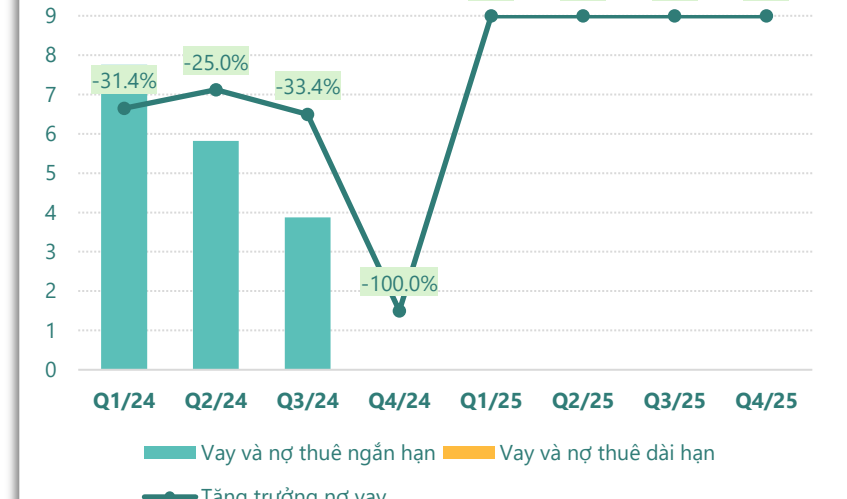
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

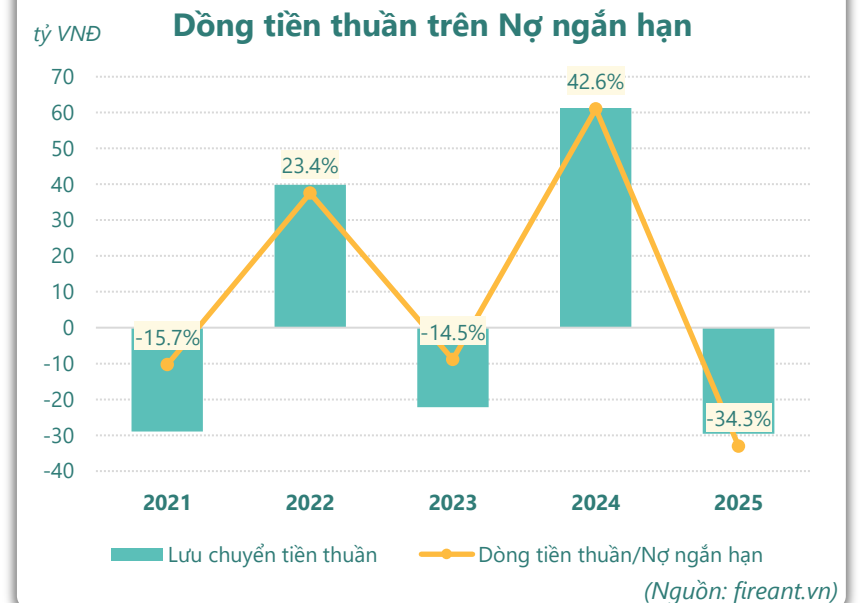
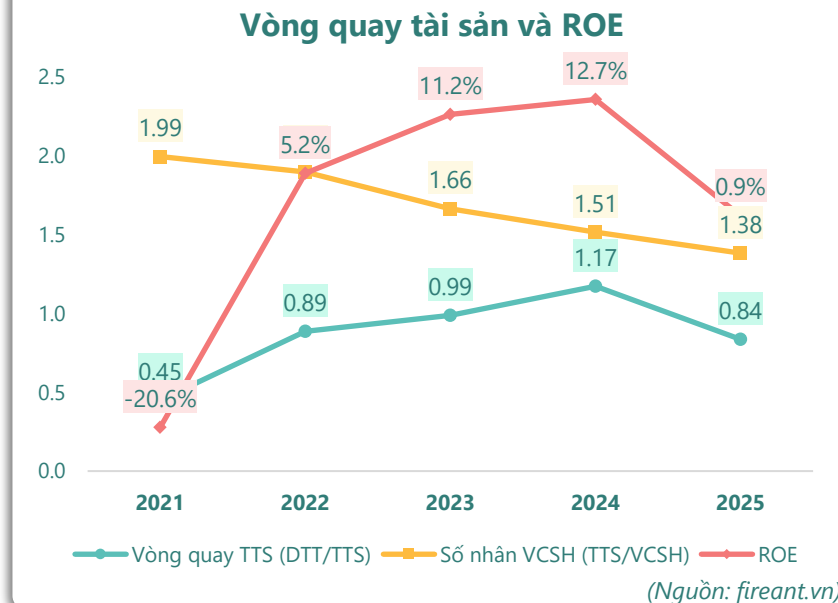
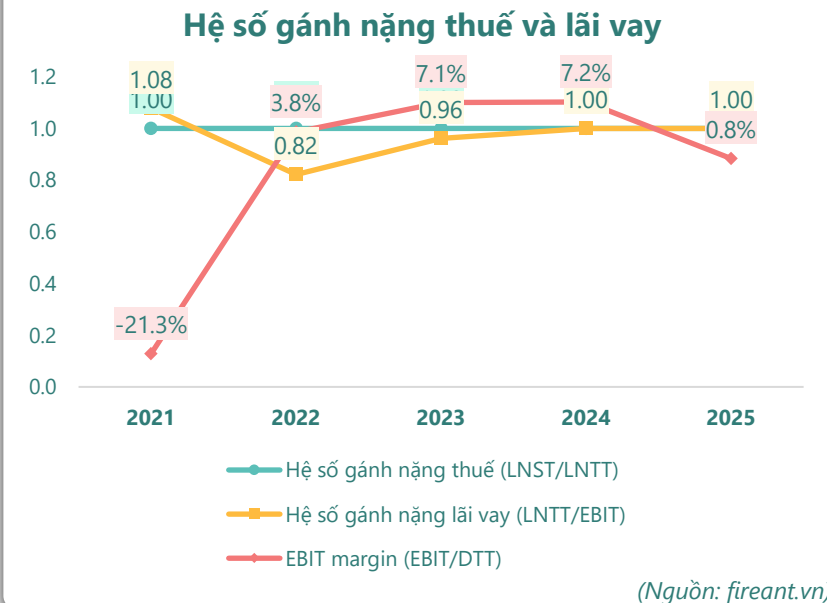
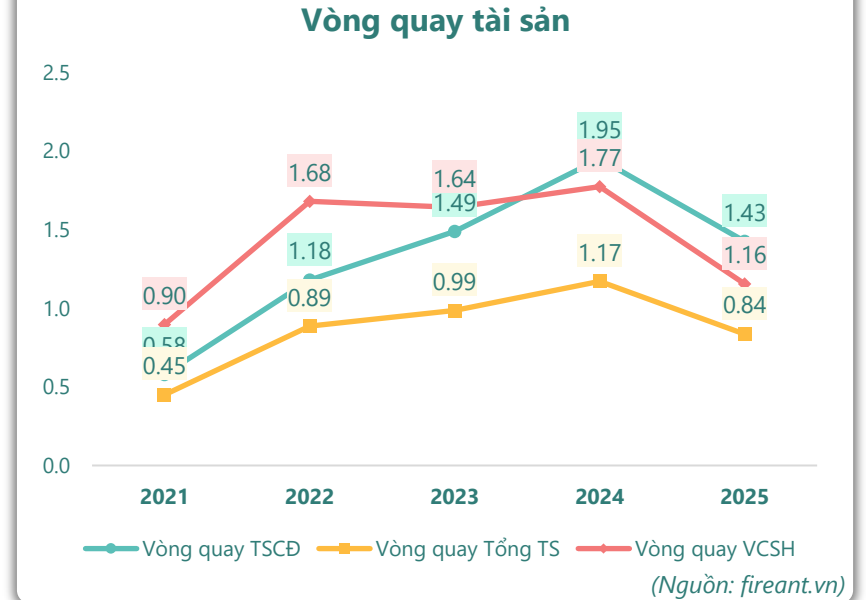
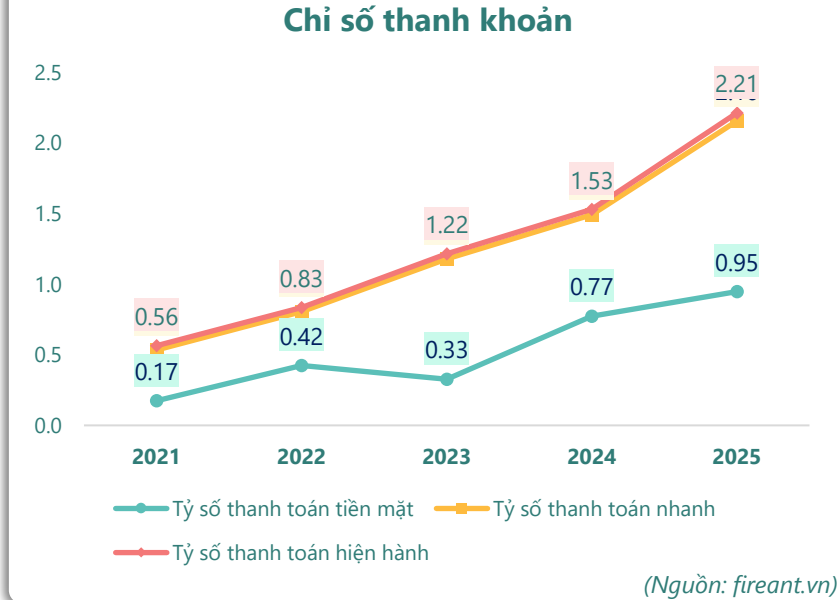
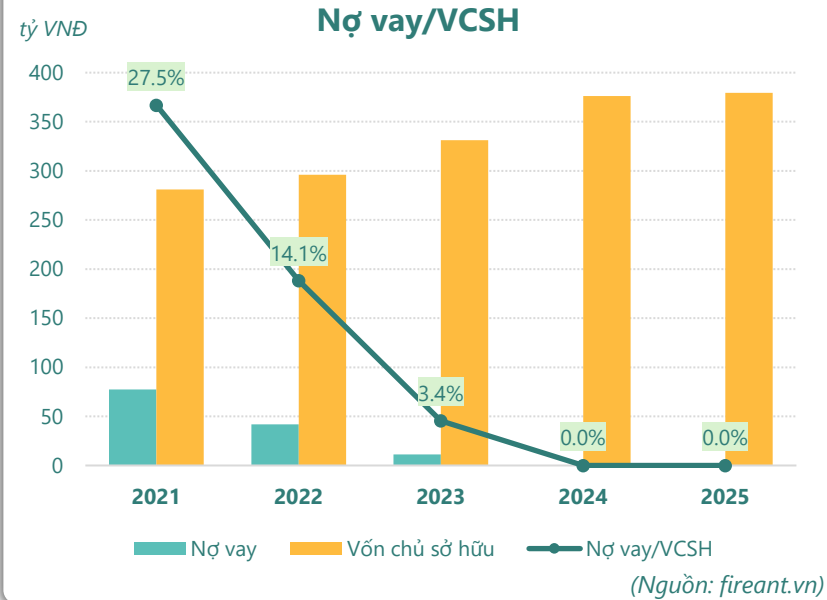
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG



**KẾT QUẢ KINH DOANH**

(tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	98.6	160	-38.3%	436	628	-30.5%
Giá vốn hàng bán	102	138	-26.1%	401	534	-24.9%
Lợi nhuận gộp	-3.30	21.7	-115%	35.4	94.0	-62.3%
Doanh thu HĐTC	2.01	1.60	25.7%	4.17	3.45	21.1%
Chi phí TC	0	0.03	-100%	0	0.23	-100%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0.30	0.48	-38.4%	1.31	2.22	-41.1%
Chi phí QLDN	9.30	9.11	2.1%	38.3	50.7	-24.5%
LN thuần từ HĐKD	-10.9	13.7	-179%	0.02	44.3	-100.0%
Lợi nhuận khác	1.90	0.24	691%	3.30	0.58	471%
LN trước thuế	-8.99	13.9	-165%	3.32	44.9	-92.6%
Lợi nhuận sau thuế	-8.99	13.9	-165%	3.32	44.9	-92.6%
LNST của CĐ cty mẹ	-8.99	13.9	-165%	3.32	44.9	-92.6%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	51.7	25.9	-7.52	-64.1	81.5	14.0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-9.69	-7.04	-33.0	18.1	-42.2	3.62
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.33	-5.48	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	56.2	97.9	111	70.8	24.8	64.1
Lưu chuyển tiền thuần	41.7	13.3	-40.5	-46.0	39.3	17.6
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	97.9	111	70.8	24.8	64.1	81.7

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	486	557	-12.8%
Tài sản ngắn hạn	191	220	-13.3%
Tiền và tương đương tiền	81.7	111	-26.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	40.5	20.7	95.4%
Phải thu ngắn hạn	62.5	81.5	-23.3%
Hàng tồn kho	4.94	5.44	-9.2%
Tài sản ngắn hạn khác	1.16	1.22	-5.1%
Tài sản dài hạn	295	337	-12.4%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	285	327	-12.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.66	0.66	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	9.79	10.0	-2.1%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	107	181	-41.1%
Nợ ngắn hạn	86.2	144	-40.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	33.9	70.4	-51.9%
Nợ dài hạn	20.7	37.6	-44.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	379	376	0.9%
Vốn chủ sở hữu	379	376	0.9%
Vốn điều lệ	600	600	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

